

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/10/2021

*“V/v Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình – Ly hôn ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bảo Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải
2. Ông Lê Quang Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021, Về việc *“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ 12 ấp Tịnh M, xã Tịnh T, thành phố CL tỉnh ĐT

Bị đơn: Nguyễn Văn L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ 12 ấp Tịnh M, xã Tịnh T, thành phố CL tỉnh ĐT

(Bà T có mặt tại phiên tòa, Ông L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông L chung sống với nhau năm 1990, không có đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, những năm chung sống ông L thường hay uống rượu, không lo làm ăn nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, mỗi lần giận hờn ông L bỏ nhà về gia đình chồng ở hoặc đi làm ăn xa, có khi vài ba tháng mới về, có thời gian ông L đi miền đông làm nghề sắt thuốc rồi cặp bồ với người khác, bà T có khuyên can, bảy T tháng ông L mới về, vì không muốn gia đình gãy đổ nên bà T chấp nhận bỏ qua. Tuy nhiên tình cảm rạn nứt, sống không hạnh phúc.

Đến năm 2010 bà T cất nhà ổn định nhưng ông L không quan tâm, giận hờn bỏ đi, khi về biết bà T mắc nợ làm nhà nên tiếp tục bỏ đi làm ăn xa đến nay. Gần đây ông L về bà T có đề nghị không hàn gắn được thì chấm dứt quan hệ vợ chồng, ông L đồng ý thống nhất ly hôn.

Bà T và ông L đã ly thân hơn 10 năm nay, không thể hàn gắn tình cảm. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Trường D, sinh năm 30/8/1992 và Nguyễn Trường G sinh ngày 27/4/1997. Hiện nay con hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/6/2021, ông L có ý kiến:

Về hôn nhân: Ông L thống nhất theo lời trình bày của bà T. Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T sống chung không đăng ký kết hôn. Ông L đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Con chung thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Trường D, sinh năm 30/8/1992 và Nguyễn Trường G sinh ngày 27/4/1997. Hiện nay con hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Địa chỉ của bị đơn tại thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao

Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L sống với nhau năm 1990, không có đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L sống hạnh phúc, về sau thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L đã sống xa nhau từ năm 2010 đến nay bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được.

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm vào điều 9 - Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 9 - Luật HNGĐ quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”* Nên việc kết hôn giữa ông L và bà T đều không có giá trị pháp lý.

Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L không có giá trị pháp lý nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L do không đăng ký kết hôn theo luật định.

[5] Về con chung: thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Trường D, sinh năm 30/8/1992 và Nguyễn Trường G sinh ngày 27/4/1997. Hiện nay con hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng Nguyễn Thị T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Thị T đã đóng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0015416 ngày 26/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9 - Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Trường D, sinh năm 30/8/1992 và Nguyễn Trường G sinh ngày 27/4/1997. Hiện nay con hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: bà Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã đóng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0015416 ngày 26/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL.

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND TPCL;
- Tòa án tỉnh DT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bảo Giang

